

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN BIỆT KÝ

Sa-môn Nguyên Hiếu ở Hải Đông biên soạn.

QUYỂN CUỐI

B2. GIẢI THÍCH BẤT GIÁC:

Có hai:

C1. Bất giác căn bốn.

C2. Bất giác chi mặt. Từ Lại nữa... trở xuống.

C1. Bất giác căn bốn:

Có hai:

D1. Chính nói về Bất giác nương bốn giác mà lập.

D2. Nói Bốn giác nương bất giác mà có.

D1. Chính nói về Bất giác nương bốn giác mà lập:

Không biết như thật pháp Chân như là một nên tâm bất giác khởi, tức là vô minh căn bốn. Giống như lầm phương hướng mà có tâm kia là động niệm của các tướng nghiệp như sai phương hướng, lìa chánh phương. Bên ngoài không riêng tà phương. Tà phương tức là chánh phương. Nên nói niệm không tự tướng, không lìa bốn giác.

D2. Nói về Bốn giác nương bất giác mà có:

Nói bất giác là vô minh. Tâm vọng tưởng là tâm bất giác khởi các tướng chấp, là nêu gốc để lấy ngọn. Hay biết danh nghĩa là nói chân giác do tâm vọng tưởng biết danh nghĩa mới có ngôn thuyết. Thuyết ở chân giác gọi là lời nói của chân giác năng thuyết. Phải nương bất giác khởi vọng tưởng. Nếu lìa bất giác, thì không có tự tướng chân giác để nói là nêu rõ chỗ nói của chân giác phải đợi bất giác. Nếu không đợi nhau, thì không có tự tướng, đợi cái khác mà có cũng không có tự tướng. Tự tướng đã không, làm sao có tướng khác. Ở đây nói lên nghĩa các pháp không có chỗ được. Văn dưới nói: Tất cả pháp nhiễm, pháp tịnh đều đối đãi, không có tự tướng để nói. Luận Trí Độ nói: Nếu pháp thế đế nhỏ như mây may mà cho là có thật thì Đệ nhất nghĩa đế cũng nên có thật. Đây cũng là nghĩa đó.

C2. Bất giác chi mạng: Từ Lại nữa... trở xuống.

Có hai:

D1. Ba tướng tế.

D2. Sáu tướng thô.

(Sáu tướng thô sau là tại bảy thức còn lại. Nếu so với vô minh căn bản kia, đều là chỗ chưa khởi, gọi chung là bất giác chi mạng.)

D1. Ba tướng tế:

Ba tướng trước là vi tế vẫn còn ở địa vị thức A-lại-da.

1- Vô minh nghiệp tướng là vô minh khởi tướng nghiệp. Nghĩa khởi động là nghĩa nghiệp, nên nói Tâm động gọi là nghiệp tướng.

Giác thì không động là giải thích ngược lại, như khi được thì giác thì không hề động. Nên biết nay động chỉ do bất giác. Động ắt có khổ - như được vắng lặng, vắng lặng là lạc. Nay nói, động tức là khổ.

Quả không lìa nhân - vô minh là không tập, nghiệp tướng là không khổ. Vô khổ vô tập, nhất thời liền có, không lìa nhau. Nhưng nghiệp tướng tuy có sinh diệt mà rất nhỏ nhiệm. Năng sở chưa phân chia gốc vô minh kia nên biết cũng vậy, như luận Vô Tướng có nói.

Hỏi: Thức này, là tướng nào cảnh nào?

Đáp: Tướng và cảnh không thể phân biệt cùng một thể không khác.

Hỏi: Nếu nói vậy, làm sao biết có?

Đáp: Do sự việc, biết có thức. Thức này sinh ra tất cả nghiệp quả báo phiền não. Thí như vô minh thường khởi. Vô minh này có muốn phân biệt không? Nếu phân biệt được thì chẳng phải vô minh. Nếu không thể phân biệt, tương ứng với phi hữu (chẳng phải có). Nhưng là có, không cũng do tham, sân, si... biết có vô minh. Bốn thức cũng vậy. Kinh A-tỳ đạt-ma cũng đồng với thuyết này.

Văn này ước định chính về nghiệp tướng mà nói.

2- Tướng năng kiến tức kiến phần A-lại-da.

3- Tướng cảnh giới là tướng phần A-lại-da.

Kinh Lăng-già bốn quyển nói: Thí như tạng thức, mau phân biệt tự tâm, hiện thân và thân an lập đầy đủ, mau phân biệt là tướng năng kiến. Tự tâm cùng hiện là tướng cảnh giới.

Luận Du-già: cũng đồng thuyết này. Như vậy các văn ước định hai tướng sau nói hai phần này, Tuy chia làm hai, nhưng không lìa nghiệp tướng, chỉ là lượng môn. Nghiệp tướng tuy không có năng sở, mà bao gồm hai phần, chỉ là hai. Cả ba này đều thuộc về thức dị thực, chỉ là nghiệp phiền não, bên nghĩa sở hoặc, không chia tướng riêng chuyển động

tướng sai biệt khác nhau nên nói chung là dị thực thức, là gió vô minh làm cho động từ tế đến thô động chuyển khác nhau, nên phần tế lập ba tướng. Lại ba này chỉ là vô minh động ở thức thứ tám. Sáu cái sau là cảnh giới sở động ở bảy thức. Do nghĩa này mà nói bảy thức là sinh diệt. Không đồng với A-lại-da có đủ hai nghĩa.

Do duyên cảnh giới nên sinh ra sáu tướng. Trong tướng tế ở trước nương năng kiến mà hiện cảnh giới, chẳng phải cảnh giới động năng kiến. Sáu tướng sau này bị cảnh giới hiện làm cho động, chẳng phải sáu thức này năng hiện cảnh kia. Nghĩa riêng là như vậy. Nói chung, sáu tướng kia cũng trở về nương tự thể của cảnh sở hiện. Trở về này tạo tác ra tự thể của cảnh sở y.

Nay luận này, ngay nơi biệt môn, nơi có cảnh giới nên sinh ra sáu tướng. Kinh này nói: Gió cảnh giới thổi động sóng bảy thức chuyển chính là ở đây.

D2. Sáu tướng thô:

Trong sáu tướng, tướng đầu là thức thứ bảy, bốn tướng kế là thức sinh khởi bốn ấm một tướng sau là hành ấm làm nhân sinh ra quả báo.

1- Nói trí tướng là thức thứ bảy tướng đầu của tướng thô. Tướng đầu tướng ứng với tuệ, phân biệt ngã, ngã sở gọi là trí tướng. Kinh Thắng Man Phu Nhân: Ở nơi sáu thức này và tâm pháp trí sát-na không dừng trụ. Nói tâm pháp trí là tuệ số. Nên biết bốn tướng trong đây chính là ở thức thứ bảy.

Nói nương cảnh giới tâm khởi là nương tướng cảnh giới ở trên, thức tâm thứ bảy mà khởi. Nếu ở đường lành, phân biệt pháp ưa thích làm ngã ngã sở. Khi ở đường ác, phân biệt pháp không ưa thích làm ngã ngã sở, nên nói phân biệt ưa và không ưa, nói đầy đủ. Chấp tướng năng kiến làm ngã, chấp cảnh sở hiện làm ngã sở. Nay nói theo tướng hiển hiện. Cho nên chỉ nói nương vào cảnh giới. Thức thứ bảy này tuy không thường duyên năng kiến của A-lại-da và tướng cảnh giới, nhưng cảnh giới này không lìa năng kiến. Như bóng trong gương không lìa mặt gương. Thức thứ bảy ngay đó hướng về bên trong tự chấp ngã ngã sở, chẳng chấp bên ngoài. Chỗ khác nói duyên theo thức A-lại-da không nói duyên cảnh giới. Chỉ ngay nơi cảnh ngã chấp nên nói duyên thức. Trừ cảnh chấp ngã sở, không nói cũng duyên cảnh giới.

Hỏi: Làm sao biết được, thức Mạt-na thứ bảy này không chỉ duyên tâm mà cũng duyên cảnh giới?

Đáp: Đây có hai chứng:

a- Nương đạo lý tỉ lượng.

b- Nương Thánh ngôn lượng.

- Tỷ lượng đạo lý là ý căn, cùng với ý thức đồng duyên cảnh giới là lập tông. Ý thức kia không cùng sở y là nói về nhân. Các thứ này không cùng với sở y sẽ cùng đồng cảnh với năng y như nhãn căn... là nói theo đồng phẩm. Hoặc khi không đồng cảnh là chẳng phải không cùng sở y theo thứ lớp diệt ý căn... là lời xa lìa. Như thế, tông, nhân, dụ không bờ mé nên biết ý căn cũng duyên sáu trần. Nếu nói ý này không cần đồng duyên với ý thức. Cũng có thể mắt không cần đồng cảnh với nhãn thức, đều là không cùng sở y nên các thức căn như mắt..., đã không được, vì không đồng loại nên nghĩa không thành. Nếu nói ý chẳng phải bất cộng y thì không phải bất cộng y, thức không nên khởi như nhãn thức... chỉ là trong giáo lý của mình có lỗi trái nhau.

Kinh Phật nói: Do mắt không hoại, nên nhãn thức được sinh cho đến ý không hoại, ý thức được sinh, cho đến nói rộng ra. Lại luận nói bất cộng y này nên biết ý chỉ duyên vào thức, không duyên cảnh khác nghĩa này không thành. Nếu theo đây, năng y của ý thức duyên tất cả pháp, nên biết sở y của ý căn, cũng đối với tất cả pháp. Cho nên ý này cũng duyên tự thể, do có tự chứng phần, cũng duyên tự sở tương ưng tâm pháp. Do không có pháp năng chứng, các tâm pháp kia, xoay lại chứng tự thể, có tự chứng phần, cho nên không ngoài, đồng một sở duyên. Nên biết, nghĩa này chung cho tám thức. Sở dĩ biết được là do Luận Trang Nghiêm nói: Đã nói thuyết cầu nhiễm tịnh. Kệ Thành duy thức: Năng thủ và sở thủ, cả hai chỉ là ánh sáng tâm. Tham quang và tín quang, hai quang không hai pháp. Giải thích rằng: nửa phần trên là thành duy thức, nên biết năng thủ sở thủ chỉ là tâm quang. Nửa phần dưới, tham... là phiền não quang, tín... là thiện pháp quang. Hai ánh sáng này cũng chẳng phải hai pháp nhiễm tịnh. Do không lìa ánh sáng tâm mà có các pháp như tham... tín riêng.

Lấy văn này làm chứng, nên biết các pháp tâm sở cũng là chỗ chiếu của ánh sáng tâm, không lìa ánh sáng tâm. Do không lìa ánh sáng tâm nên tức là tâm quang. Như bóng trong gương là do ánh sáng gương chiếu soi. Cho nên bóng này không lìa ánh sáng gương. Do không lìa nên tức là ánh sáng gương. Nên biết đạo lý ở đây cũng vậy. Nhưng tuy giống hình tượng, không riêng bốn pháp nào mà không có duyên. Dù có bốn pháp tâm sở khác hình tượng tâm sở, cũng đồng nghĩa một, sở duyên không thành.

- Thánh ngôn lượng, kinh Lăng-già mười quyển nói: bảy thức kia nương các cảnh giới niệm quán mà sinh. Lại nói: Gió cảnh giới thổi

động, sóng bầy thức chuyển. Nay luận này giải thích ý kinh ấy rằng: Vì có cảnh giới duyên, lại sinh sáu tướng, do văn này mà biết được.

2- Tướng tục tướng tức là thức uẩn là phân biệt thô duyên chung tất cả, được tướng tục dài lâu gọi là tướng tương tục. Lại thức này khởi ái, dẫn dắt giữ gìn các nghiệp quá khứ, cũng được nhuận sinh, khiến cho quả báo vị lai tương tục gọi là thức tương tục. Nói y nơi trí là y trí tướng ở trên, mới sinh ra tướng tục. Sở y là tế, chỉ một xả thọ. Năng y là thô, khởi đủ khổ vui, nên nói sinh khởi khổ vui. Lại sở y của trí tướng, duyên bên trong mà trụ, dường như ngủ. Thức tương tục này rong ruổi khắp ngoại cảnh, vì như giác nên nói giác tâm khởi niệm. Khởi niệm tức là pháp chấp phân biệt. Thức uẩn cùng chấp thô này tương ứng, rong ruổi các cảnh nên nói tương ứng không đoạn.

3- Tướng chấp thủ tức thọ uẩn.

4- Tướng kế danh tự tức tướng uẩn.

5- Tướng khởi nghiệp là hành uẩn. Tự hiểu không cần giải thích.

6- Tướng Nghiệp hệ khổ: Nương nghiệp do hành uẩn trước tạo ra mà chịu quả khổ trong ba cõi sáu đường.

A3. Y cứ chung hai nghĩa: Nêu rõ tướng đồng, khác. Từ Lại nữa... trở xuống.

Nói vô lậu vô minh tùy nhiễm huyễn khác nhau là tánh nhiễm huyễn khác nhau. Vô lậu là tùy nhiễm huyễn khác nhau. Vô minh là tánh nhiễm huyễn khác nhau, là thế nào?

Vô minh kia trái với tánh bình đẳng nên tánh của tất cả pháp nhiễm bị khởi tự khác nhau. Pháp vô lậu là thuận tánh bình đẳng bày thẳng tánh kia, nên không khác nhau. Nhưng pháp nhiễm khác nhau nên nói vô lậu có khác nhau. Vì sao? Ví đối lại với nghiệp thức nhiễm huyễn khác nhau kia, có bốn giác tánh đức vô lậu khác nhau. Lại vì đối trị các nhiễm khác nhau kia, nên thành thỉ giác muôn đức khác nhau. Cho nên vô lậu, chỉ tùy nhiễm mà có khác nhau, không do tự tánh có khác nhau. Nhưng nhiễm tịnh này đều đều đối đãi nhau. Tánh không có sở hữu nên nói là huyễn.

Trong phần lập nghĩa được nói rộng ở trên là tâm sinh diệt đã xong.

Chi 2. Giải thích nhân sinh diệt: Từ Lại nữa... trở xuống.

Có hai:

Tiết 1. Nói sinh diệt nương nghĩa nhân duyên.

Tiết 2. Hiện bày chỗ nương thể tướng nhân duyên.

Từ nương vô minh huân tập khởi thức... trở xuống

Tiết 1. Nói sinh diệt nương nghĩa nhân duyên:

Có hai:

A1. Nêu chung

A2. Giải thích riêng.

A1. Nêu chung:

Nói nhân duyên là tâm thể A-lại-da, biến thành các pháp sinh diệt. Nhân sinh diệt này sinh diệt các pháp, thô tế nương nhau mà khởi là duyên sinh diệt. Kinh nói: Như Lai tàng là nhân thiện, bất thiện. Vô minh tánh địa hay tâm xông thể chuyển thành các thức, gọi là nhân sinh diệt, các thức được khởi chuyển, các nhân duyên nương nhau, như văn dưới nói: tất cả nhân nhiễm gọi là vô minh, nên trong văn này hai nghĩa đều có.

Nói chúng sinh nương tâm là các pháp sinh diệt nhóm họp mà sinh nên gọi là chúng sinh, nhưng không có tự thể. Chỉ nương vào tâm thể. Nên nói nương tâm là nương vào chúng sinh, là ý, ý thức. Nên nói ý và ý thức chuyển. Ở đây biểu hiện hai chương môn.

A2. Giải thích riêng: Từ nghĩa này thế nào... trở xuống

Có hai:

B1. Giải thích ý.

B2. Giải thích ý thức.

B1. Giải thích ý:

Có ba:

C1. Lược nêu rõ ý.

C2. Phân biệt rộng ý.

C3. Kết thành duy tâm. Từ cho nên... trở xuống

C1. Lược nêu rõ ý:

Nói nương thức A-lại-da là giải thích nghĩa nương tâm ở trên. Tướng vốn vô minh, tự mình nương thức thể mà có, nên nói nương thức mà có vô minh. Như văn trên nói: Thức này có hai nghĩa: Nghĩa giác, và nghĩa bất giác, chính là ở đây. Kinh Lăng-già bốn quyển nói: Như Lai tàng, vì huân ác tập hư ngục từ vô thủy gọi là thức tạng sinh. Vô minh trụ địa thức chung với bầy. Nên biết vô minh trụ địa chẳng thuộc về bầy thức, cũng chẳng phải chỗ huân chủng tử của bầy thức kia.

Nói Bất giác mà khởi là tâm thể bị vô minh này huân tập, xao động tạo ra sinh diệt gọi là khởi. Tức tâm thể này do vô minh huân, chuyển thành năng kiến, cho đến chuyển thành khởi niệm tương tục. Tâm thể này có năm dụng, đối cảnh giới sinh ra ý thức, nên gọi là ý. Trong đây cái thứ năm là ý thức mà y cứ sinh nghĩa sau xếp chung vào ý.

C2. Phân biệt rộng ý: Từ Ý này... trở xuống.

Khai mở năm dụng trên, đặt tên năm thức.

1- Nghĩa nghiệp thức, như trên đã nói.

2- Chuyển thức là tướng năng kiến, duyên cảnh mà chuyển, gọi là chuyển thức. Nhưng chuyển thức có hai. Hoặc nói vô minh, chỗ động của năng kiến gọi là chuyển thức ở thức A-lại-da, hoặc cảnh giới kia, chỗ động của năng kiến gọi là chuyển thức, đó là bảy thức. Hai nghĩa khác nhau, không thể lẫn lộn. Lại có chỗ nói: Các năng kiến này, gọi chung là chuyển thức, chung cho tám thức. Nay ở đây tướng chuyển là nghĩa duyên ban đầu.

3- Hiện tướng là tướng cảnh giới của ba tướng trên. Ở đây, nêu rõ lia chuyển thức không có tướng cảnh riêng, nên đưa năng hiện làm rõ cảnh sở hiện. Nói giống như gương sáng hiện sắc tướng.

Kinh Lăng-già bốn quyển nói: Đại Tuệ, nói rộng có ba thức, nói rộng có tám tướng:

a- Chân thức.

b- Hiện thức.

c- Phân biệt sự thức.

Thí như gương sáng giữ các sắc tướng, chỗ thức hiện cũng như vậy. Ở đây nói nghĩa hiện, do tất cả thời tự nhiên mà khởi, thường ở trước mắt. Nên biết hiện thức nhất định ở tại thức thứ tám, nghiệp thức cùng hiện thức làm gốc. Tướng nó càng sâu kín, làm sao gương đặt trong bảy thức, có thể được sao?

Nói tùy năm trần đối ngay đó liền hiện là tùy tướng sinh khởi, đều không lia kiến, chỉ ở trong gương năng kiến mà hiện, nói đối tức hiện, theo thật mà nói, cũng hiện pháp trần. Vả lại theo trần để hiển, là lược nêu ra.

Hỏi: Thức này cảnh giới rộng hẹp thế nào. Luận này chỉ nói năm trần. Kinh Lăng-già nói: Thức A-lại-da phân biệt hiện cảnh, tự thân sinh ra khí thể gian, một lúc liền biết, chẳng có trước sau. Luận Du-già chép: Ở đây do hai cảnh liễu biệt cho nên chuyển. Một là do liễu biệt nội chấp thọ, nghĩa là liễu biệt biến kế sở chấp tự tánh, vọng chấp tập khí, cùng các sắc căn. Căn chỗ sở y nghĩa là có cõi Sắc. Nếu không có cõi Sắc, chỉ có vọng chấp tập khí liễu biệt. Ngoài hai liễu biệt không có khí tướng phần nghĩa là liễu biệt nương tựa, bên trong duyên chấp thọ thức A-lại-da. Nên trong tất cả thời, không có gián đoạn.

Tướng khí thể giới thí như ngọn lửa đèn, khi sinh bên trong thức chấp thọ, ngoài phát ánh sáng. Như thế, thức A-lại-da, bên trong duyên

cảnh chấp thọ, ngoài duyên cảnh khí thế giới. Đạo lý sinh khởi nên biết cũng vậy. Luận Trung biên: Chỗ chấp của thức này, bốn cảnh giới thuộc về trần, căn, ngã và thức. Sở thủ đã không, bốn thức năng duyên cũng được sinh. Nếu theo luận Trung Biên và kinh Lăng-già thì tập khí chẳng phải cảnh thức này. Nếu theo luận Du-già thì thanh trần và bảy thức chẳng phải sở duyên của nó. Theo luận này: hiện căn và thức chẳng phải cảnh giới sở hiện của thức này. Như vậy trái nhau làm sao hòa hợp.

Đáp: Ở đây không trái nhau. Vì sao? Không thể dùng lời, chỉ duyên pháp như thế, nên chẳng nói pháp khác không phải cảnh giới.

Hỏi: Tuy không trái nhau nhưng có khác nhau. Ý bất đồng có thể nghe được chăng?

Đáp: Ý bất đồng, mỗi ý đều có lý. Như Luận Trung Biên: muốn nói rõ các pháp hiện khởi đều là sở hiện của bốn thức. Ngoài là thức hoàn toàn không có pháp riêng, nên chỉ nói các pháp hiện hành, chủng tử tập khí, tướng nó không hiển rõ không khác với thức cho nên không nói. Luận Du-già nói: Vì hiển các tướng không có lìa kiến, tự nối tiếp nên trừ tâm tâm pháp, ngoài các pháp nối tiếp khác, nói rằng sở liễu biệt của thức này, các pháp tâm, lìa trần không lập. Nghĩa đó tự hiểu, không nói riêng. Các luận khác y hiển ẩn, theo đây sẽ biết, không thể chấp nghiêng về một khía cạnh. Vì phỉ báng thuyết thông phương hãy gác lại, không nói đến, nay giải thích văn lớn.

4- Thức trí là thức thứ bảy, trong sáu tướng trên ban đầu là trí tướng, quả của ái gọi là pháp nhiệm tịnh, phân biệt pháp kia, chấp ngã ngã sở, nói phân biệt pháp nhiệm tịnh.

5- Thức tương tục tức là ý thức, tướng nối tiếp trong sáu tướng trên. Do niệm tương ứng không dứt, ở đây y cứ vào tự thể không dứt, giải thích từ ngữ tương tục.

Từ Trụ trì... trở xuống. Là y cứ về công năng, giải thích từ ngữ tương tục. Thức này khởi lên ái thủ, dẫn dắt giữ gìn vô minh quá khứ, phát ra các hành khiến chịu đựng gánh vác quả sắp có. Nên nói giữ gìn quả quá khứ không để mất, nghĩa này đầy đủ như luận Du-già nói. Thức làm khởi phiền não nhuận sinh, khiến cho nghiệp quả nối tiếp sinh ra không dứt. Nên nói thành tựu quả báo hiện tại vị lai không sai trái. Như thế nhân quả ba đời lưu chuyển không dứt. Công tại ý thức nên gọi tương tục. Nói nhớ việc đã qua, lo việc chưa tới, là hiển dụng thức này không đồng với thức trí. Vì thức trí chỉ duyên cảnh hiện tại. Do văn này chứng được. Nên biết thức nối tiếp này chính là ý thức, không đồng với

ở trên nói tâm nối nhau.

C3. Kết thành duy thức:

Từ cho nên trở xuống, là chỗ làm sáng tỏ của năm thức trên, không riêng tự thể, đều y theo nghĩa một tâm. Ba cõi hư ngụy do tâm tạo ra.

Nói tất cả pháp đều từ vọng niệm mà sinh tất cả phân biệt tức là phân biệt tự tâm, tâm không thấy được tâm không có tướng để được.

Như kệ kinh Lăng-già mười quyển: Thân được sinh ra rồi gìn giữ. Nếu thấy được như mộng, thì lẽ ra có hai thứ tâm mà tâm không hai tướng. Như dao không tự cắt, ngón tay không tự chỉ, như mắt không tự thấy. Việc kia cũng giống như vậy. Nghĩa này thế nào? Nếu trong mộng kia các sự việc bị thấy, giống như chỗ thấy là thật có, thì phải có hai, mà trong mộng kia thật không có hai tướng năng thủ sở thủ. Các tâm trong ba cõi đều là mộng. Nên nói tất cả phân biệt tức phân biệt tự tâm, mà luận tự tâm không thể tự thấy như dao và ngón tay... Nên nói tâm không thấy tâm, hiện tại không có nơi khác để thấy, cũng không tự thấy ắt không có sở kiến. Vì sở kiến không nên năng kiến không thành. Năng kiến sở kiến đều không thật có. Ngoài ra, đâu còn có tướng nào, nên nói không có tướng để được. Như bài kệ kia nói: Chẳng có cái khác, chẳng có nhân, chẳng phân biệt, sự phân biệt, năm pháp và hai tâm, vắng lặng, không, là như thế.

Hỏi: Như các thuyết luận Tập Lượng: tâm, tâm pháp đều chứng tự thể, gọi là hiện lượng. Nếu không như thế, như không từng thấy, không nên ghi nhớ niệm. Trong đây kinh nói: Không tự thấy như thế, trái nhau làm sao hiểu?

Đáp: Ở đây có ý khác, muốn không trái nhau là sao? Ý kinh luận này là muốn làm rõ ngoài kiến phần, không có tướng phần riêng. Tướng phần hiện không có chỗ thấy, cũng không thể nói tức kiến phần này thấy ngược lại kiến phần. Chẳng phải hai dụng hướng ra bên ngoài khởi, nên lấy dao, ngón tay làm ví dụ đồng pháp. Ý luận Tập Lượng là dù kiến phần kia không thể tự thấy, nhưng có dụng của tự chứng phần, thể của năng chứng kiến phần. Do dụng có khác, nên hướng vào bên trong khởi, nên lấy ngọn lửa đèn làm dụ đồng pháp. do nghĩa này nên không trái nhau. Lại trong Luận Kinh này là hiển bày thật tướng, theo nghĩa chẳng phải có; nói không tự thấy. Luận chủ tập lượng vì lập giả danh, y nghĩa chẳng phải không có; nói có tự thể. Nhưng giả danh không động thật tướng; thật tướng không chứa chấp giả danh, không hoại không động, có gì trái nhau. Như trong đây nói, lìa kiến phần không có tướng

phần, kiến không thể thấy tướng, mà chỗ khác nói tướng phần chẳng có kiến phần. Nên kiến, có thể thấy, tướng phần trái nhau như vậy, làm sao không lạ! Nên biết, như trên cũng chẳng hoại nhau. Lại nói vì hiểu cái giả có nên nói có tướng có kiến. Vì hiểu cái giả không nên nói không tướng không kiến, giả có không ngay nơi có, nên bất động đối với không. Giả không chẳng ngay nơi không nên không chứa chấp nơi có. Không chứa chấp nơi có nên rõ ràng mà có. Bất động nơi không cho nên rõ ràng mà không. Do đó đạo lý nhân duyên sâu xa như vậy. Chỗ sâu kín không y cứ, mệnh môn không ngại, há dung chứa sự tranh cãi trái nhau ở câu hỏi kia sao?

B2. Giải thích ý thức:

Từ Lại nữa... trở xuống. Ý thức vẫn là thức tướng tục, chỉ y theo pháp hay chấp, niệm thô tướng ứng sinh nghĩa ở mé sau, gọi là thức nối tiếp. Nó theo niệm trước sinh, làm khởi phiền não kiến ái, gọi là ý thức. Nên nói ý thức tức thức nối tiếp này. Thọ tướng hành uẩn trong sáu tướng trên, đều xếp vào ý thức này, Luận này nương vào môn ý thức không chia ra năm tướng thức. Theo văn sẽ biết.

Tiết 2. Hiện bày thể tướng nhân duyên: Từ nói nương theo vô minh huân tập... trở xuống

Có hai:

A1. Theo tâm thể: Hiện thể nhân tướng nhiễm tịnh khó lường.

A2. Theo các nhiễm tịnh, nêu rõ ý nghĩa duyên thể tướng khác nhau.

A1. Theo tâm thể:

Nói nương vô minh huân tập khởi thức Văn trên nương thức A-lại-da nói vô minh bất giác sinh khởi. Văn này nói tự tánh tâm thanh tịnh, do gió vô minh động nên nói vô minh khởi thức. Nếu tâm thể này hoàn toàn sinh diệt, đó là tâm nhiễm, thì chẳng khó hiểu. Lại nếu một bề hướng về thường trụ, chỉ là tâm tịnh cũng chẳng khó biết. Dù cho thể thật tịnh, mà tướng dường như nhiễm, cũng dễ hiểu. Như thức thể kia động, nhưng tánh không tịnh, có gì khó hiểu. Nay tâm này, thể tịnh mà thể nhiễm, tâm động mà tâm tịnh, nhiễm tịnh không hai, động tịnh đâu khác. Không hai không riêng nhưng cũng chẳng phải một. Dứt tuyệt như vậy nên khó có thể biết. Nói tâm tự tánh tịnh, nhưng có tâm nhiễm kia - là nói tịnh mà thường nhiễm. Tuy có tâm nhiễm mà thường hằng không trái ngược là nói lên động mà thường tịnh. Do nghĩa này chỉ có Phật mới hiểu cùng tận. Kinh Lăng-già mười quyển nói: Vì Như Lai tạng là tướng thanh tịnh, bị khách trần phiền não làm cấu nhiễm bất tịnh. Ta

y theo nghĩa này, vì phu nhân Thắng Man cùng các Bồ-tát khác nói Như Lai tàng. Thức A-lại-da cùng bảy thức sinh gọi là tướng chuyển diệt. Đại Tuệ, Như Lai tàng, cảnh giới thức A-lại-da, nay ta cùng ông và các Bồ-tát có trí sâu xa hay phân biệt rõ hai pháp này. Các Thanh văn, Bích-chi và ngoại đạo khác, chấp trước danh tự kia không thể hiểu rõ hai pháp như thế chính là ở đây.

A2. Nói về nghĩa duyên thể tướng cùng khác nhau: Từ Bất đạt... trở xuống

Có ba:

B1. Nói các tướng nhiễm khác nhau thô để nói lên địa vị trị đoạn.

B2. Nêu nghĩa tương ứng, bất tương ứng với các pháp nhiễm.

Từ Tương ứng nghĩa... trở xuống.

B3. Đưa ra các pháp nhiễm, nói về nghĩa hai chương.

Từ Lại nghĩa nhiễm tâm ... trở xuống

B1. Nêu rõ các tướng nhiễm khác nhau thô để hiển bày địa vị trị đoạn:

Có ba:

C1. Nói về tướng vô minh.

C2. Nói về tâm nhiễm khác nhau, gồm hiển trị đoạn.

C3. Nói về vô minh trị đoạn ở trên.

Sở dĩ không lần lượt vì muốn nói rõ ngay nơi tướng tiệm trị của vô minh, không hiển chỉ trừ tâm nhiễm sâu, từ thô đến tế tùy theo đó mà có nghĩa xả bỏ noi theo dần, thực hành nghĩa này. Vô minh trị đoạn về sau mới nói.

Trong đây nói nhiễm tức ý thức và năm thứ ý. Chỉ khiến cho lúc trừ bỏ là từ thô đến tế, nên trái lời nói kế.

Chấp tương ứng nhiễm: Là chỗ sinh khởi phiền não kiến tư của ý thức ở trên, như ở trên nói. Chấp ngã ngã sở, các thứ vọng chấp cho đến chỗ ý thức này nương nghĩa là phiền não kiến ái thêm lớn. Tín tương ứng, chỗ năng lìa là ở vị Thập Giải trong tam hiền.

Kinh Nhân Vương nói: Ba mươi bậc Phục nhĩn thánh thai là thập tín, thập chỉ, thập hiền tâm. Lên giai vị này, thô hoặc kiến tư không hiện hành được, nên gọi là lìa. Nên biết luận này, trên dưới nói về hiện hành để nói trị đoạn, không nói về chủng tử nên cùng kinh khác nói giai vị trị đoạn cũng có cách biệt, chẳng nên lấy làm lạ.

Nhiễm bất đoạn tương ứng: Thức tương tục thứ năm trong năm loại ý, tương ứng bất đoạn với pháp ngã chấp, nên vào Sơ địa khi quán pháp không, lìa rất ráo.

Phân biệt trí tương ứng nhiệm: Thức trí thứ tư trong năm loại ý. Từ Thất địa trở xuống khi khởi hai không ắt không hiện hành ra khỏi thói quen theo tục lệ, khi tâm nhập vận cũng được hiện hành nên nói là dần. Thất địa trở lên dứt trừ hoàn toàn không khởi gọi là rốt ráo là. Nghĩa này như kinh Giải Thâm Mật nói: Nói về chủng tử cho đến tâm Kim Cang mới là đoạn là như luận nói rộng về là. Ba nhiệm trên, hành tướng thô, đủ ba nghĩa nên gọi là tương ứng.

Hiện sắc bất tương ứng nhiệm: Tức Hiện thức thứ ba trong năm loại ý. Như trong gương sáng hiện các sắc tượng. Sắc Tự Tại địa là Bát địa.

Năng kiến tâm bất tương ứng nhiệm: Chuyển thức thứ hai trong năm ý. Nương vào tâm động năng tướng. Tâm Tự Tại địa là Cửu địa.

Cần bốn nghiệp bất tương ứng nhiệm: Nghiệp thức một trong năm ý nương vào năng lực vô minh bất giác niệm động. Bồ-tát Tận Địa là Thập địa và Vô Cấu địa, đều là một vị. Theo lý chân thật. Luận nói: Bát địa trở lên, cũng có hiện tượng nhỏ nhiệm khởi, chỉ trong địa này, đã được tịnh độ tự tại - Sắc thô hoàn toàn không khởi, nên nói là là. Lại nữa Cửu địa trở lên, cũng có năng kiến nhỏ nhiệm, chỉ được tâm tự tại. kiến tướng càng nhỏ nhiệm nên nói là, do đó được biết. Văn dưới nói: Nương nghiệp thức... Bồ-tát địa cứu cánh. Tâm sở kiến gọi là báo thân. Nếu là nghiệp thức ắt không thấy tướng, nên biết khi nghiệp thức chưa hết thì tướng năng kiến cũng không xa là.

B2. Nêu rõ nghĩa tương ứng, bất tương ứng:

Ba nhiệm đầu gọi là tương ứng, ba nhiệm sau và vô minh là bất tương ứng, như trên nói tâm bất tương ứng bỗng nhiên khởi niệm gọi là vô minh.

Tâm niệm pháp khác nghĩa là phiền não số pháp, tướng chúng đều khác. Như trong phân biệt trí tương ứng nhiệm, ngã kiến, ngã ái, ngã mạn nghiệp khác. Kinh Ca-chiên-diên nói: Tâm và tâm sở, niệm pháp, nên biết trong đây tâm niệm pháp và tâm sở niệm pháp đều là tên gọi khác của tâm sở.

- Nương nhiệm tịnh khác nhau là phân biệt các pháp nhiệm tịnh - chấp ngã ngã sở khác nhau.

- Biết tướng đồng là năng tri tương đồng. Duyên tương đồng là sở duyên tương đồng.

Trong đây nương cả ba, gọi là tương ứng.

Tâm niệm pháp khác là nghĩa thể giống nhau. Các phiền não số, mỗi số có một thể đều là không có cái thứ hai.

Biết tướng đồng là nghĩa của trí giống nhau.

Duyên tướng đồng là nghĩa sở duyên tướng đồng.

Trong đây nương ba nghĩa giống nhau nên nói là tương ứng.

Hỏi: Luận Du-già nói: Các tâm tâm pháp, đồng một sở duyên không đồng một hành tướng cùng có một lúc, mỗi mỗi xoay chuyển. Trong đây nói trí tướng cũng đồng. Trái nhau như vậy làm sao hòa hợp?

Đáp: Hai nghĩa này cùng có, nên không trái nhau. Vì sao? Vì như ngã kiến là hạnh của kiến tánh, ngã ái là hạnh của ái tánh. Những thứ riêng biệt này, mỗi pháp không đồng hành. Nhưng kiến, ái... đều làm duyên cho ngã. Theo nghĩa này gọi là trí tướng đồng. Nên biết hai thuyết này không hại nhau.

Tức tâm bất giác thường không khác nhau. Đây tỏ rõ nghĩa không có thể đồng, để lìa ngoài tâm không có phiền não số pháp khác nhau riêng. Nên nói Tức tâm bất giác thường không khác nhau, đã không thể đồng thì hai nghĩa kia nương vào đâu? Do đây không đồng tri đồng duyên nên nói không đồng tri tướng duyên tướng.

Hỏi: Luận Du-già nói: Thức A-lại-da tương ứng năm số, tức là trong tâm nhiệm năng kiến. Tại sao đây nói bất tương ứng?

Đáp: Ý luận này là theo nghĩa phiền não số, khác nhau mà chuyển, gọi là tương ứng: Nhiệm tâm năng kiến không có phiền não số gọi là bất tương ứng, nên không trái nhau. Tuy có năm số biến hành nhỏ nhiệm, tâm cùng pháp thông đạt không tương nhưng thủ tướng nên chung với pháp chấp mà không có kiến chấp, xét cái thấy của tuệ số nên không có tướng khác của pháp chấp ngã. Sở dĩ biết được A-lại-da cũng là pháp chấp như kinh Giải Thâm Mật nói: Bát địa trở lên tất cả phiền não đều không hiện hành chỉ có sở tri chướng làm nơi nương tựa. Nhưng ở giai vị này, các hoặc khác của bảy thức đều không hiện hành, chỉ có thức A-lại-da hiện hành. Nên biết, thức này là sở tri chướng, nếu nói có chủng tử, chủng tử phiền não chướng cũng vẫn chưa hết. Nên biết, kia là nói theo sở tri chướng của hiện hành.

B3. Nói rõ nghĩa hai chướng: Từ Lại, nghĩa nhiệm tâm... trở xuống là lược thành hai môn: Chướng bỏ và chướng thông.

Mười sở phiền não làm cho lưu chuyển, ngăn che quả Niết-bàn gọi là chướng phiền não. Bồ-tát riêng chướng về hoặc pháp chấp mê cảnh sở tri, chướng quả Bồ đề gọi là sở tri chướng. Môn này như kinh luận khác có nói.

Tất cả tâm động niệm chấp tướng, trái với tánh như lý trí vắng

lặng, gọi là phiền não ngại. Căn bản vô minh hôn mê bất giác, trái với dụng như lượng trí giác sát gọi là trí ngại. Niệm trong luận này theo nghĩa môn sau nên nói sáu thứ tâm nhiễm gọi là phiền não ngại. Vô minh trụ địa gọi là trí ngại, nhưng vô minh chướng với lý trí. Nhiễm tâm chướng với trí lượng. Sao không như vậy? Chưa hẳn là như vậy. Ý chưa hẳn như luận tự nói: luận năm.

Chi 3. Nói rộng tướng sinh diệt trong phân lập nghĩa trên:

Từ Lại nữa... trở xuống

Có hai:

Tiết 1. Nêu tướng sinh diệt thô tế.

Tiết 2. Nói về nghĩa thô tế diệt tận, từ hai thứ này... trở xuống.

Tiết 1. Nêu tướng sinh diệt thô tế:

Có hai:

A1. Nói về thô tế.

A2. Đối với người phân biệt.

A1. Nói về thô tế:

Nói tướng sinh diệt có hai thứ: Ở đây nói về pháp tướng sinh diệt có thô tế, chẳng phải là sát na sinh diệt, có rõ ràng có nhỏ nhiệm.

- Thô tương ứng với tâm: Ba cái đầu trong sáu thứ nhiễm là tâm tương ứng, tướng ấy thô, hiển hiện nên gọi là tướng sinh diệt.

- Tế bất tương ứng với tâm: Ba nhiễm sau là bất tương ứng. không có tướng tâm sở thô khác nhau, thể nó vi tế thường trôi chảy không dứt, nên gọi là tương tục sinh diệt.

Kinh Lăng-già mười quyển: Thức có hai thứ diệt. Những gì là hai?

1- Tướng diệt. 2- Tương tục diệt. Sinh trụ cũng giống như vậy.

Kinh Lăng-già bốn quyển: Các thức có hai loại:

- Sinh và trụ diệt nghĩa là lưu chú sinh và tướng sinh.

- Trụ diệt cũng như thế.

Trong kinh đưa thẳng hai thứ danh tự, không hiển bày tướng riêng. Nên nay luận chủ hiển bày tướng ấy.

A2. Đối với người phân biệt:

Thô trong thô: Hai thứ đầu trong ba thứ trước.

Thô trong tế: Hai thứ đầu trong ba thứ sau.

Tế trong thô: Một thứ sau trong thứ trước.

Tế trong tế: Một thứ sau trong thứ sau, vì hai thứ đầu trong thứ trước đều ở tại ý thức hành tướng thô, là sự hiểu biết của phàm phu. Một thứ sau trong thứ trước là thức thứ bảy, hành tướng chẳng thô,

chẳng phải chỗ hiểu biết của phàm phu. Hai thứ đầu trong thứ sau, năng sở khác nhau, nên là sự hiểu biết của Bồ-tát. Thứ sau cùng kiến tướng chưa phân chỉ có Phật mới hiểu cùng tận.

Tiết 2. Nói về nghĩa diệt tận, sắp nói nghĩa diệt:

Có hai:

A1. Nói về trí duyên.

A2. Hiện bày nghĩa diệt.

A1. Nói trí duyên:

Có hai:

B1. Nêu chung. Nói Hai thứ sinh diệt nương vô minh huân tập mà có.

B2. Nói riêng về nhân duyên. Từ cái gọi là trở xuống.

B1. Nêu chung:

Nói Nghĩa bất giác là vô minh căn bản.

Vọng tạo ra cảnh là cảnh sở hiện của hiện thức. Nói chung hai thứ sinh diệt đều nương vô minh làm nhân, cảnh giới làm duyên.

B2. Nói riêng nhân duyên:

Vì nương vào nhân vô minh, tâm bất tương ưng khởi, nương duyên cảnh giới nên tâm tương ưng khởi. Nay nói về lúc diệt. Vả lại nương theo nghĩa riêng, nói nhân diệt nên tâm bất tương ưng diệt vì duyên diệt nên tâm tương ưng diệt. Đủ nghĩa mà nói. Hai thứ này mỗi thứ có hai nhân. Như kinh Lăng-già bốn quyển nói: Đại Tuệ, bất tư nghì huân và bất tư nghì phản là nhân hiện thức. Giữ lấy các thứ trần cùng vọng tưởng vô thỉ huân là nhân của phân biệt sự thức. Nói bất tư nghì huân nghĩa là vô minh do chân như năng huân bất khả lượng. Bất tư nghì phản là chân như ưa thích vô minh, không thể huân - trùm khắp mà trái lại. Nên huân và phản này rất vi diệu và ẩn kín, khởi hành tướng hiện thức, sâu kín không phải tương ưng. Nói vọng tưởng vô thỉ là hiện thức này từ xưa đến nay chưa từng lìa tướng, như văn trên nói: từ xưa đến nay chưa từng lìa niệm nên nói vô thỉ vô minh. Nghĩa vọng tưởng vô thỉ cũng như vậy. Nói các trần đó vẫn là các cảnh hiện thức hiện. Do hai pháp này huân động tự tướng A-lại-da làm cho khởi sóng bầy thức. Do vọng tưởng cùng cảnh thô mà hiển bầy thức khởi thành tâm tương ưng.

Nay trong luận này, cùng đưa ra một mặt trong tế, nói vô minh huân, trong thô chỉ nêu ra duyên cảnh giới. Đây là ngay nơi nghĩa từ tế đến thô, để làm rõ tướng nhân duyên khác nhau. Kinh Lăng-già bốn quyển: Đại Tuệ, nếu che đậy chân thức kia, các thứ hư vọng không thật diệt, ắt tất cả tướng thức diệt, gọi là tướng diệt. Tướng tục diệt là,

sở nhân tướng tục diệt nên tướng tục diệt. Sở y diệt và sở duyên diệt thì tướng tục diệt. Vì sao? Vì do nhân kia. Y là vọng tưởng vô thí huân. Duyên là hiện thức, cảnh vọng tưởng từ tâm hiện. Kinh nay ngay nơi cửa thông tướng nên tạo ra thuyết, nói theo nghĩa riêng như trên nói. Nếu nói chung nhân duyên sinh, các thức mỗi thức có bốn thứ nhân duyên. Kinh Lăng-già mười quyển nói: Có bốn thứ nhân, nhân thức được sinh. Bốn nhân ấy là?

- 1- Bất giác tự nội thân chấp lấy cảnh giới.
- 2- Xưa nay hư vọng vô thí phân biệt cảnh giới sắc huân tập.
- 3- Thức, tự tánh thể như vậy.
- 4- Nghiệp thấy các thứ sắc tướng.

Kinh Lăng-già bốn quyển nói: Do bốn nhân duyên, nhân thức chuyển nghĩa là tự tâm hiện nhiếp thọ bất giác hư ngụy từ vô thí, các tập khí chấp trước sắc quá khứ, tự tánh thức tánh muốn thấy các thứ sắc tướng gọi là bốn thứ nhân duyên. Tạng thức trôi chảy sinh ra sóng chuyển thức, nói tự tâm hiện nhiếp thọ. Bất giác là nói về nhân vô minh căn bản, sắc tướng nó thô, do hiện thức hiện ra, không ở ngoài thức. Vì thuộc về tự tâm nên nói tự tâm hiện nhiếp thọ. Nói bất giác là vô minh không biết, sắc trần không phải ở bên ngoài nên sinh ra nhân thức, khiến chấp là ngoài, đây là nhân đầu tiên. Nói vô thí hư ngụy cho đến chấp trước là hiển bày nhân vọng tưởng huân tập từ vô thí, nghĩa là hiện thức xưa nay, chấp đắm sắc trần. Do tập khí này, sinh ra nhân thức, làm cho chấp lấy sắc trần. Nói thức tánh là để hiển nguyên nhân tự mỗi loại. Do tự tánh phân biệt của nhân thức ở trước, do huân tập này sau sinh nhân thức như tự tánh ở trước. Nói muốn thấy các thứ sắc tướng là nói lên tên gọi do huân tập. Nghĩa là nhân thức ở trước, thấy được sắc tướng, ý thức duyên với nhân thức năng kiến này, ý lời phân biệt, chấp đắm cái mắt thấy, như nói nhân thức. Các thức kia nên biết như thế.

A2. Hiển bày nghĩa diệt:

Từ Hỏi rằng... trở xuống. Lại nêu rõ nghĩa diệt bất diệt. Nói nếu tâm thể diệt thì chúng sinh đoạn diệt không chỗ nương tựa, tự tướng Lê-da gọi là tâm thể, các thức khác gọi là chúng sinh. Kinh Lăng-già mười quyển nói: Nếu thức tướng tục diệt, thì các thức từ vô thí đến nay đều diệt. Nói chỉ có si diệt nên tướng tâm diệt theo, chẳng phải tâm trí diệt. Chỉ tướng tâm động diệt, chẳng phải tướng động diệt tức là nghiệp tướng diệt, là nghĩa bất diệt của tự tướng.

Hỏi: Tự tướng của thức này, hoặc chỉ là duyên nhiễm khởi lên, hoặc cũng có nghĩa không theo duyên. Nếu chỉ là duyên khởi thì khi

duyên nhiệm hết, tự tướng cũng diệt. Nếu theo nghĩa môn tự tướng, không theo duyên nhiệm mà thành thì tự tướng này tự nhiên mà có. Có thuyết cho rằng tâm thể chỉ là chỗ phân biệt của nghiệp hoặc là pháp dị thực, nên khi hoặc nghiệp hết, bốn thức liền hết. Nhưng ở quả Phật, cũng có hai hạnh phước tuệ, cảnh trí sở hiện, tương ứng với tịnh thức. Tuy nghiệp hoặc, nghĩa bất đồng về chỗ giảm của phước tuệ, mà nghĩa của tâm kia, hai chỗ không khác. Nói theo nghĩa này thì tâm đến quả Phật. Có thuyết cho rằng tự tướng tâm thể, đưa ra thể là chỗ sinh khởi của vô minh kia, nhưng có động tịnh làm cho khởi, chẳng phải là phân biệt không hợp với có. Sở dĩ tâm này động, vì vô minh động gọi là nghiệp tướng. Tâm động này, vốn tự là tâm gọi là tự tướng. Tự tướng nghĩa môn, không do vô minh. Nhưng ngay nơi tâm do vô minh làm động này cũng có nghĩa sinh nhau. Nên không có lỗi tự nhiên, mà có lý bất diệt. Khi vô minh dứt, tướng nghiệp liền dứt. Tâm theo thì giác trở về cội nguồn.

Phê bình: Hai sư nói đều có lý đạo, đều nương theo lời dạy của bậc Thánh giáo. Thế nào? Nếu y theo môn hiển liễu ở trước nói, thì nó đáng được ý của luận Du-già. Nếu theo môn ẩn mật như ở sau nói thì nên được ý của luận Khởi Tín, không thể chấp nghiêng về một bên, lại cũng không thể như lời nói mà chấp lấy nghĩa. Vì sao? Nếu như thuyết ban đầu nói, mà chấp lấy nghĩa tức là pháp ngã kiến. Nếu sau nói mà chấp nghĩa tức là chấp nhân ngã. Cho nên hai nghĩa kia đều không thể nói. Tuy không thể nói mà cũng có thể nói. Vì tuy không có chỗ đúng, nhưng chẳng phải không đúng.

Từ lại nữa có bốn thứ huân tập... trở xuống

Trong phần B2. Giải thích diệt môn sinh.

Có hai:

Tiểu phần 1. Giải thích rộng về ý trên đã xong.

Tiểu phần 2. Do lời mà nói về nghĩa huân.

Thức này có hai nghĩa: Thu nhiếp tất cả pháp, sinh ra tất cả pháp. Nghĩa năng nhiếp kia, ở trên đã nói rộng.

Nghĩa năng sinh, do chưa rõ ràng nên dưới đây nói rõ nghĩa hai của thức này.

Nghĩa cùng nhau huân, sinh ra tất cả pháp nhiệm tịnh.

Có ba:

A1. Nêu rõ chung nghĩa nhiệm tịnh huân.

A2. Hiển bày riêng hai thứ tướng huân tập. Từ Vì sao... trở xuống.

A3. Y cứ chung hai pháp, làm rõ nghĩa tận bất tận. Từ lại nữa...

trở xuống

A1. Nêu chung nghĩa nhiếp tịnh huân:

Nói chân như là nghĩa bốn giác. Vô minh là nghĩa bất giác, do một thức gồm hai nghĩa này, cùng nhau huân, sinh ra khắp tất cả. Đây chính là giải thích nghĩa bất tư nghì huân, khắp trong kinh này. Văn khác rất dễ hiểu.

Hỏi: Luận Nhiếp Đại thừa nói: Phải đủ bốn nghĩa mới được thọ huân. Nói thường pháp không thể thọ huân. Vì sao? Vì ở đây nói do vô minh huân chân như.

Đáp: Luận kia là theo khả tư nghì huân nên nói thường pháp không thể thọ huân. Luận này ngay nơi bất tư nghì huân nên nói vô minh huân chân như, chân như huân vô minh. Như thế hai thứ huân nghĩa khác, hai luận không trái nhau.

A2. Hiện bày riêng hai tướng huân tập:

Có hai:

B1. Khởi nhiễm

B2. Khởi tịnh

B1. Khởi nhiễm:

Có hai:

C1. Lược nói

C2. Rộng nói.

C1. Lược nói:

Nói do huân tập nên có tâm vọng, đó là nghiệp thức. Do tâm vọng này huân vô minh khiến vô minh kia chẳng rõ tướng không, làm cho tâm vọng có năng kiến hiện các cảnh tướng. Nói bất giác niệm khởi hiện cảnh giới hư dối. Bất giác niệm khởi là chuyển tướng. Cảnh giới hư dối là hiện tướng.

Do cảnh giới này huân vọng tâm trước, khởi sóng bảy thức: Chấp trước tiền cảnh nên nói huân vọng tâm hợp với niệm dính mắc kia.

C2. Rộng nói:

Nói tăng trưởng niệm là pháp chấp phân biệt. Tăng trưởng thủ là bốn thủ phiền não.

Nói nghiệp thức căn bản huân tập là do nghiệp thức này huân tập vô minh, bị mê bởi tướng không nên khởi năng kiến và tướng cảnh giới. Kiến tướng tương tục sinh tử không dứt. Kiến và tướng này ở thức Lê-da. Người ba thừa tuy lìa phân biệt sự thức, phần đoạn hệ nghiệp khổ thô, vẫn chịu hành khổ của Lê-da nhỏ nhiệm, nên nói ba thừa khổ sinh diệt. Nói tăng trưởng phân biệt sự thức huân tập nghĩa là chỗ phiền não

về kiến ái của ý thức tăng trưởng nên thọ quả hệ nghiệp trong ba cõi. Nên nói phàm phu nghiệp hệ khổ. Trong vô minh huân, nói căn bản huân tập là căn bản vô minh huân tập chân như khiến kia động niệm, gọi là nghiệp thức. Nên nói thành tựu nghĩa nghiệp thức.

Nói chỗ khởi kiến ái huân tập là vô minh căn bản khởi kiến ái. Huân ý thức kia khởi phân biệt thô, gọi là phân biệt sự thức. Như văn trên nói - ý thức hiện gọi là phân biệt sự thức. Nương phiên nào kiến ái tăng trưởng nên nói thành tựu phân biệt sự thức.

B2. Khởi tịnh:

Có hai:

C1. Lược giải thích. Văn lược rất dễ hiểu.

C2. Rộng giải thích .

Nói phân biệt sự thức huân tập, nói chung bảy thức đều gọi là phân biệt sự thức. Nghĩa như trên nói, nói theo thức mạnh thì chỉ giữ lấy ý thức, vì dụng phân biệt mạnh duyên khắp các việc, nay trong văn này nói theo cái mạnh.

Thức này không biết các trần là chuyển thức hiện nên chấp ngoài tâm thật có cảnh giới. Phàm phu, Nhị thừa tuy có thú hưởng, mà chấp sinh tử đáng nhàm chán, Niết-bàn nên ưa thích chẳng khác gốc chấp. Nên gọi là phân biệt sự thức huân tập.

Nói ý huân tập là nói chung. Năm thức trên đều gọi là ý. Nghĩa như trên nói, ngay nơi gốc mà nói. chỉ chấp nghiệp thức, gọi đó là ý. Do thức này rất sâu kín mà làm gốc, nên nghĩa nghiệp thức, tuy có động niệm, nhưng kiến tướng chẳng khác, chỉ có thức lượng là làm nghiệp thức. Các Bồ-tát này, trí tâm vọng động không có cảnh giới riêng. Tất cả pháp khác chỉ là thức lượng, đều là chấp thô, dường như tướng nghiệp thức, nên gọi là nghiệp thức huân tập; cũng gọi là ý huân tập. Chẳng phải là vô minh khởi nghiệp thức, tức có khả năng giác biết đạo lý duy thức.

Trong dụng huân tập, duyên khác nhau là vì phàm phu, Nhị thừa kia phân biệt sự thức huân tập mà làm duyên. Tạo ra duyên là từ sơ Bồ-tát phát ý cho đến các Phật đều là tạo duyên. Như văn nói rộng. Duyên bình đẳng là các Bồ-tát, nghiệp thức huân tập mà tạo duyên. Năng duyên là Bồ-tát pháp thân trở lên, mới được tạo duyên, phải nương trí lực đồng thể. Nên nương vào Tam-muội liền được bình đẳng thấy chư Phật và các Bồ-tát thập giải trở lên, đều là nghiệp thức thấy Phật báo thân, vô lượng tướng đẹp, đều không có bờ mé, lia tướng phần hạn nên nói bình đẳng kiến.

Nếu ở trong tâm thô tán loạn mà được thấy tướng không thể nghĩ

bàn như thế, chắc là không có. Nên nói nương Tam-muội là được thấy. Trong chưa tương ứng, nói ý ý thức huân là Bồ-tát nương vào nghiệp thức huân tập, gọi là ý. Phân biệt sự thức của phàm phu, Nhị thừa gọi là ý thức. Trong đây đối với pháp thân kia, Bồ-tát gọi là ý huân tập. Do nương nghiệp thức nên có tướng năng kiến. Nếu theo nghĩa tục trí thấy báo phật thì kim cang trở lại đều có tướng thấy, gọi chung nghiệp thức huân tập như ở dưới nói.

A3. Nêu chung nghĩa tịnh tận bất tận:

Từ Lại nữa, pháp nhiệm ... trở xuống là văn rất dễ hiểu.

Trong chương ba giải thích - Từ Lại nữa, chân như tự thể trở xuống: Hiển bày chánh nghĩa trong phần giải thích chính có hai phần:

Đoạn 1- Giải thích pháp chương môn đã xong.

Đoạn 2. Giải thích nghĩa chương môn:

Lập hai nghĩa gồm nghĩa Đại và nghĩa Thừa

Trước giải thích nghĩa Đại, có hai:

A1. Giải thích chung Thể Đại, Tướng Đại.

A2. Nêu rõ Dụng Đại Từ Lại nữa... trở xuống

A1. Giải thích chung thể Đại, tướng Đại:

Nói Tự thể tướng là nêu ra chung hai loại: Thể Đại, tướng Đại.

Nói Tất cả chúng sinh... chư Phật không có thêm bớt, rốt ráo thường trụ, là giải thích Thể Đại. Trong phần lập nghĩa trên nói Thể Đại nghĩa là tất cả pháp chân như bình đẳng không thêm bớt.

Nói Từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ tất cả công đức... trở xuống. Giải thích rộng Tướng Đại. Tướng Đại nghĩa là Như Lai tạng đầy đủ tánh công đức vô lậu.

A2. Nêu rõ Dụng Đại:

Từ Lại nữa dụng của chân như trở xuống Dụng đại có thể sinh ra tất cả nhân quả lành, nên nói không biết chuyển thức.

Dụng đại sinh ra tất cả nhân quả lành nên nói Không biết chuyển thức hiện mà thấy từ ngoài đến như trên nói về năm loại thức, loại thứ hai là chuyển thức. Các sắc tướng được hiện ra, không là chuyển thức; mà ý thức không biết đạo lý như vậy; nghĩa là ngoài tự tâm thật có thân Phật đều vì ta thuyết pháp.

Nghiệp thức nghĩa như trước đã nói; nhưng nơi khác nói: Chỗ thấy của Địa Tiên gọi là phản hóa thân. Chỗ thấy của Địa thượng là Thọ dụng thân. Khác với cái đã chứng chưa chứng, nên ngay trong đây nói sự thấy biết của phàm phu, Nhị thừa gọi là ứng thân, sự thấy biết của Thập giải sơ tâm trở xuống gọi là báo thân, là nói Bồ-tát tin sâu duy thức

thuận theo nghĩa nghiệp thức, không chấp từ ngoài đến, không giống như phàm phu. Trong đây, Bồ-tát Tam hiền nương tâm Tam-muội thấy diệu tướng, thuộc về báo Phật. Kinh Luận khác: Bồ-tát tán tâm thấy tướng thô nên thuộc về hóa thân. Văn khác rõ ràng nên rất dễ hiểu.

Trong phần lập nghĩa có hai thứ, nghĩa Đại và nghĩa Thừa. Nghĩa thừa được giải thích ở dụng đại; trong văn hiển bày chung, không cần giải thích riêng.

Nói Chư Phật vốn ở nhân địa phát tâm đại từ, tu các hạnh như sáu độ... rộng nói, là nghĩa đầu của Thừa.

Trong phần lập nghĩa ở trên nói tất cả chư Phật vốn đã nương lại nói Bồ-tát phát tâm rồi thấy rõ được tướng tu chứng khác nhau của Phật là nghĩa sau của thừa.

Ở trên nói: Tất cả Bồ-tát đều nương pháp này mà được đến Phật địa.

Lại nữa... trở xuống là hiển bày chánh nghĩa, trong phần Đại có hai.

Đoạn 1. Chánh hiển bày chia ra nghĩa lập pháp đã xong.

Đoạn 2. Mở bày theo đáp tám chỗ, y theo văn sẽ hiểu.

Mục 2. Đối trị tà chấp:

Có hai:

A1. Nói riêng trị các chấp.

A2. Nêu chung nghĩa rốt ráo lia tà chấp.

Lại nữa... trở xuống.

A1. Nói riêng trị các chấp:

Trong đây, tà chấp là chấp của phàm phu và Nhị thừa mới học Đại thừa trong Phật pháp. Nói hai chấp nhân và pháp - Chấp có tướng chung chủ thể gọi là chấp nhân ngã. Chấp tất cả pháp đều có thể tánh gọi là chấp pháp ngã. Năm chấp trên đây đều nương vào pháp thân Như Lai tàng làm chủ tướng chung để khởi chấp trước gọi là nhân chấp. Một chấp sau là chấp năm pháp uẩn đều có thể tánh gọi là pháp chấp, y theo văn sẽ hiểu.

A2. Nêu chung nghĩa rốt ráo lia tà chấp:

Phần phát thú.

Tín thành tựu phát tâm. Là giai vị ở thập giải tiền, ở bất định trụ tu tập tín tâm trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu vào vị chánh định tức là Thập giải, cũng gọi là Thập trụ; cũng gọi là Thập tín, cũng gọi Tập chủng tánh. Kinh Bốn Nghiệp nói: Bồ-tát Tín Tướng Thiện này trong mười ngàn kiếp, hành mười giới pháp sẽ nhập Thập tín tâm, vào vị sơ

trụ. Kinh Nhân Vương nói: Tập chủng tánh có thập tâm; đã vượt tất cả Thiện địa của nhị thừa. Bồ-tát hành mười điều lành từ tập nhân trở về trước có lùi có tiến, giống như sợi lông nhẹ theo gió bay từ Đông sang Tây. Tuy do mười kiếp hành mười chánh đạo, phát tâm Bồ-đề, nhập vào tập chủng tánh. kinh kia nói mười ngàn, luận đây một vạn là đồng số. Nói Do thấy pháp thân một phần ít nên tùy năng lực nguyện kia hiện được tám tướng lợi ích chúng sinh. Như kinh Hoa Nghiêm khen ngợi Bồ-tát Sơ phát tâm trụ trong Thập trụ, nói Bồ-tát phát tâm này được một thân, vô lượng thân Như Lai, đều ở tất cả thế gian thị hiện thành Phật. Luận Du-già nói: Các Bồ-tát kia ở trong cõi vô dư y Niết-bàn. Bát-niết-bàn là ở các cõi trong mười phương, nên biết, rốt ráo không thể nghĩ bàn. Thường thường hiện làm các việc lợi ích cho tất cả hữu tình. Gọi là bí mật tối cực của Như Lai. Bồ-tát tu hành hạnh địa thắng giải bí mật này, khi chuyển xuống hẳn, tùy thắng giải khác nhau kia mà chuyển. Từ thắng chuyển này đến cửu địa, xoay vần tăng tiến, trong địa thứ mười, rất là thanh tịnh, nên biết bí mật không thể nghĩ bàn như thế của Như Lai, vượt ngoài tất cả cảnh giới suy lường. Như văn này, Bồ-tát Thập giải trở lên khởi được tám tướng giáo hóa chúng sinh. Nói như trong kinh thuyết hoặc có khi đọa vào đường ác chẳng phải kia thật sinh thối đọa là giảng rộng. Kinh Bồn Nghiệp nói: Thất trụ trở về trước gọi là có phần thoái; nếu không gặp thiện tri thức, từ một kiếp cho đến mười kiếp, thoái tâm Bồ-đề như Thiên tử Tịnh Mục, Vương tử Phát Tài, Xá-lợi-phất, muốn vào trụ thứ bảy, vì khoảng đó gặp nhân duyên ác tri thức, rơi vào phàm phu trong đường ác bất thiện. Nay giải thích ý này chỉ là tạm nói, chẳng phải thật đối hư.

Nói giải hạnh phát tâm. Giai vị ở Thập hạnh, Thập hồi hương.

Chứng phát tâm. Nói ba là nghiệp thức tâm nhỏ nhiệm sinh diệt. Muốn hiểu rõ Bồ-tát hai trí khi khởi chẳng phải chuyên nhất không thêm vào, không đồng với Phật địa. Cho nên do có động niệm nhỏ nhiệm nghĩa là nghiệp căn bản, bất tương ưng nhiễm, thường hành không dứt. Vì cùng với hai trí nên nói phát tâm có ba tướng. Chẳng phải nghiệp thức cũng có nghĩa là đức hạnh của phát tâm, do khởi diệt làm tướng kia nên nói cõi Sắc cứu cánh thị hiện thân cao lớn. Như bài kệ kinh Lăng-già mười quyển nói: Cõi Dục và Cõi Vô sắc Phật không thành ở đó. Trong các tầng trời cõi Sắc lìa dục thành đạo Bồ-đề. nay giải thích ý kinh này nói: Nếu luận về nghĩa thật của thân thọ dụng thì khắp pháp giới, không đâu chẳng có. Mà nói chỉ ở cõi trời kia thân thành Phật là Bồ-tát hiện sắc tướng, hóa thọ dụng thân, chẳng phải thật

báo thân. Chỉ ở cõi trời kia là hiển nghĩa này, nên nói là cõi.

Phần này, có thể y theo văn để khởi sâu tin tâm, huân dừng vọng tưởng, không thể chấp lời nói, phân biệt phải trái, để tranh luận. Nay giải thích làm nhẹ thêm, nên không cần phải nói nữa.

Tác Bộ Soạn.

Niên hiệu Vạn Trị Năm thứ 2 ngày lành tháng 9

